TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221 /2023/DS-ST

Ngày 27-10-2023

V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiển.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Y Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Trần Đức Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2023/TLST-HN ngày 28/7/2023, về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXXST-HN ngày 04/10/2023, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990;

Trú tại: Trí Tường, n Tường Đ, H, B.

Bị đơn: Huỳnh Đình L sinh năm 1990;

Trú tại: T, Ân Tường Đ, H, Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà và ông Huỳnh Đình L kết hôn vào ngày 04/9/2009 tại UBND xã Â; vợ chồng chung sống tại nhà mẹ của ông L khoảng 01 năm, rồi xây dựng nhà ở riêng trên đất của cha mẹ ông L. Trong quá trình chung sống, ông L chơi cờ bạc, ngoại tình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cải nhau; năm 2015, ông L ngoại tình có con với người khác và mang con về cho bà nuôi. Nay bà xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, sống không có hạnh phúc, nên bà yêu

cầu ly hôn với ông L. Về con chung có 02 đứa, tên Huỳnh Đình Q, sinh ngày 19/5/2009; Huỳnh Đình D, sinh ngày 19/5/2022; bà yêu cầu được nuôi hết 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung bà không yêu cầu.

Đối với bị đơn: Kể từ ngày thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập ông L đến làm việc, nhưng ông L không đến toà án làm việc; Toà án đã thực hiện việc tống đạt, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng ông L cũng không đến tham gia; do vậy Toà án không ghi nhận được ý kiến và yêu cầu của ông L đối với việc bà T khởi kiện.

Đại diện VKSND huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng; tổ chức phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng qui định. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện việc xét xử công khai; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thư 2 không có lý do; nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án là đảm bảo theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật TTDS. Về nội dung vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T và ông L được ly hôn. Về con chung: Giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng; công nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của là T. Về tài sản chung, bà T không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, H đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Đình L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Â vào ngày 04/9/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn nhau, nên nay bà T yêu cầu ly hôn với ông L, yêu cầu nuôi con chung. Đây là quan hệ pháp luật về hôn nhân, tranh chấp về nuôi con chung, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án, theo quy định tại Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông Huỳnh Đình L có hộ khẩu thường trú tại xã Â, huyện H, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 238 của Bộ Luật TTDS.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự; thể hiện bà Nguyễn Thị Ngọc T có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Â vào ngày 04/9/2009, hôn nhân này là hợp pháp, nên được pháp luật thừa nhận; hai vợ chồng sống có hạnh phúc một thời gian tại nhà mẹ của ông L. Đến năm 2010, vợ chồng xây dựng nhà ở riêng trên đất của cha mẹ ông L. Trong thời gian vợ chồng sống chung, cũng xảy ra một số bất đồng, nhưng vợ chồng tự hoà thuận với nhau; nhưng càng về sau thì vợ chồng càng phát sinh nhiều mâu thuẫn; từ năm 2013, ông L không chịu làm ăn, mà tham gia chơi cờ bạc, ngoại tình với nhiều người, bà T khuyên can thì ông L gây gỗ, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cải nhau, xúc phạm nhau.

Năm 2015, ông L ngoại tình với người khác có con riêng, khi con được 08 tháng tuổi thì ông L đưa về nhà, năng nỉ bà T và hứa sẽ khắc phục việc sai trái của mình; nên bà L chấp nhận nuôi con riêng của ông L. Nhưng thời gian sau đó, ông L vẫn tiếp tục ngoại tình, năm 2019 ông L có con riêng với người khác, đưa về nhà cho cha mẹ ông L nuôi, sau đó mẹ của cháu bé đến đưa đi ở với mẹ. Từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T đưa các con về quê ở huyện P ở. Nay bà T yêu cầu giải quyết cho bà và ông L được ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Đình L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, nếu có để kéo dài thì mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với qui định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Đình L có 02 con chung, tên Huỳnh Đình Q, sinh ngày 19/5/2009; Huỳnh Đình D, sinh ngày 19/5/2022; bà T yêu cầu nuôi 02 con chung. Xét thấy 02 con chung của bà T và ông L, lâu nay do bà T nuôi dưỡng, ông L không quan tâm, chăm sóc con chung, cháu Q trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi; do vậy cần tiếp tục giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện VKSND huyện Hoài Ân phù hợp với nhận định của HĐXX, nên chấp nhận.

[7] Về án phí : Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo qui định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí, án phí của tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 ỷ Điều 84 của Luật Hơn nhn ỷ Gia đình 2014; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Huỳnh Đình L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Đình Q, sinh ngày 19/5/2009; Huỳnh Đình D, sinh ngày 19/5/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T nuôi dưỡng, ông L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom co

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX không xem xét.

4. Về tài sản chung: HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ tiền án phí hơn nhn sơ thẩm; được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006542 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoài Ân;
- Chi cục THA dân sự H. H;
- Các đương sự;
- UBND xã Â;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Tâm